

KẾ HOẠCH

Nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) giai đoạn 2026 - 2027 của thành phố Hải Phòng

Thực hiện Kế hoạch hành động số 07-KH/TU ngày 25/7/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW, ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân tại thành phố Hải Phòng.

Thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 08/01/2026 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2026.

Thực hiện Chương trình hành động số 07-CTr/TU ngày 06/3/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố lần thứ I nhiệm kỳ 2025-2030.

Căn cứ kết quả điều tra, khảo sát và công bố PCI 2025 tại Báo cáo Kinh tế tư nhân Việt Nam 2025 của Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, thành phố Hải Phòng xếp hạng trong nhóm 5 địa phương có chất lượng điều hành kinh tế tiêu biểu toàn quốc, thành phố là địa phương duy nhất có 7/9 chỉ số thành phần nằm trong Top 10 toàn quốc.

Nhằm khắc phục những điểm yếu và phát huy thế mạnh, tạo bước đột phá mạnh mẽ về cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tăng điểm số và duy trì xếp hạng trong nhóm địa phương dẫn đầu về chỉ số PCI, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2026 - 2027 của thành phố Hải Phòng với các nội dung sau:

I. MỤC TIÊU

1. Phân đấu nâng tổng điểm PCI đạt từ **70** điểm trở lên; giữ vững thứ hạng PCI của thành phố Hải Phòng trong nhóm 5 địa phương dẫn đầu cả nước, phấn đấu trong nhóm 3.

2. Tập trung khắc phục và cải thiện mạnh điểm số và thứ hạng đối với các chỉ số thành phần của năm 2025: (1) Chi phí không chính thức; (2) Thiết chế pháp lý.

3. Tập trung cải thiện mạnh điểm số và thứ hạng đối với các chỉ số có trọng số 15%: (1) Tính minh bạch; (2) Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp; (3) Chính quyền kiến tạo.

4. Phấn đấu 09 chỉ số thành phần đạt mức điểm và vị trí xếp hạng trong năm 2026 như sau:

- Chỉ số Gia nhập thị trường đạt từ 7,6 điểm trở lên, trong nhóm 08 địa



phương có thứ hạng cao nhất.

- Chỉ số Tiếp cận nguồn lực đạt từ 6,6 điểm trở lên, trong nhóm 04 địa phương có thứ hạng cao nhất.

- Chỉ số Tính minh bạch đạt từ 7,5 điểm trở lên, trong nhóm 05 địa phương có thứ hạng cao nhất.

- Chỉ số Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính đạt từ 8,7 điểm trở lên, trong nhóm 03 địa phương có thứ hạng cao nhất.

- Chỉ số Chi phí không chính thức đạt từ 7,8 điểm trở lên, trong nhóm 11 địa phương có thứ hạng cao nhất.

- Chỉ số Cạnh tranh bình đẳng đạt từ 7,1 điểm trở lên, trong nhóm 04 địa phương có thứ hạng cao nhất.

- Chỉ số Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đạt từ 6,0 điểm trở lên, trong nhóm 06 địa phương có thứ hạng cao nhất.

- Chỉ số Thiết chế pháp lý đạt từ 7,0 điểm trở lên, trong nhóm 22 địa phương có thứ hạng cao nhất.

- Chỉ số Chính quyền kiến tạo đạt từ 6,4 điểm trở lên, trong nhóm 06 địa phương có thứ hạng cao nhất.

II. YÊU CẦU

1. Các cấp chính quyền tiếp tục phát huy tính năng động, tiên phong và minh bạch; cán bộ công chức tận tâm, trách nhiệm với khát vọng đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm theo tinh thần *“Hành động quyết liệt - Tận tâm phục vụ doanh nghiệp”*.

2. Đội ngũ cán bộ, công chức phải thay đổi mạnh mẽ về thái độ, trách nhiệm, tăng tính chủ động, tác phong thực hiện công vụ, phân công *“rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm, rõ thẩm quyền”*; giao tiếp thân thiện với người dân và doanh nghiệp.

3. Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu phải nâng cao nhận thức, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ công chức về tầm quan trọng của chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) là *vì sự phát triển và vị thế của thành phố Hải Phòng*.

4. Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu thường xuyên cập nhật, theo dõi kết quả, tìm giải pháp để đạt điểm cao nhất đối với Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công (*theo dõi trên Cổng Dịch vụ công quốc gia*).

5. Tạo điều kiện tốt nhất để doanh nghiệp nhanh chóng gia nhập thị trường; tiếp tục chấn chỉnh, quyết liệt đổi mới mạnh mẽ, thông thoáng trong việc cấp phép kinh doanh có điều kiện tại thành phố; thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp theo các chính sách của Trung ương và thành phố.

6. Thực hiện hiệu quả các mô hình:

6.1. Tiếp tục thực hiện mô hình “**Kết nối thủ tục Giấy phép kinh doanh có điều kiện**” để hỗ trợ doanh nghiệp khi thực hiện các thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh có điều kiện tại các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu.

6.2. Tiếp tục thực hiện mô hình “**CÙNG THÀNH CÔNG**” (**Tên tiếng Anh: Succeed Together**) để hỗ trợ, chăm sóc nhà đầu tư, doanh nghiệp trong suốt quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi nhất để nhà đầu tư, doanh nghiệp phát triển bền vững.

6.3. Triển khai mô hình “**Hồ sơ thông suốt**” để khắc phục hạn chế, nâng cao tính minh bạch, giảm thiểu tối đa chi phí thời gian, chi phí không chính thức phát sinh trong quá trình doanh nghiệp thực hiện thủ tục hành chính, xây dựng niềm tin giữa cộng đồng doanh nghiệp và chính quyền thành phố,

7. Tăng tốc và nỗ lực cải cách thủ tục hành chính, đơn giản hóa thủ tục giấy tờ, chuyển đổi số, sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong hỗ trợ doanh nghiệp.

8. Hòa hòa phát triển kinh tế và phát triển hệ sinh thái kinh doanh thân thiện với môi trường.

III. NHIỆM VỤ CỤ THỂ

Nhiệm vụ cụ thể của các Sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị được phân công chi tiết tại Phụ lục II kèm theo Kế hoạch.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và lãnh đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan:

- Căn cứ các nhiệm vụ được giao khẩn trương chỉ đạo tổ chức xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện cụ thể tại đơn vị và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ tại Phụ lục ban hành kèm theo Kế hoạch này; căn cứ các nhiệm vụ được giao chủ trì tại Phụ lục cần phải đưa ra các giải pháp phù hợp để nâng cao, cải thiện điểm số và xếp hạng của các chỉ số thành phần; nâng cao điểm số và thứ hạng Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp (*trên Cổng Dịch vụ công quốc gia*), góp phần nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh PCI của thành phố.

- Cử cán bộ đầu mối thường xuyên thực hiện theo dõi, đánh giá chỉ số PCI, DCCI (bao gồm lãnh đạo cơ quan, đơn vị và lãnh đạo, chuyên viên phòng chuyên môn), phối hợp chặt chẽ với Sở Tài chính trong thực hiện nhiệm vụ.

- Khẩn trương triển khai mô hình “**Hồ sơ thông suốt**”: bám sát các nhiệm vụ được giao, chính thức thực hiện từ ngày 01/8/2026.

- Khi có kết quả PCI năm 2026, chủ động phân tích, báo cáo, đánh giá các chỉ tiêu được giao chủ trì, gửi về Sở Tài chính tổng hợp.

2. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Tổ chức truyền thông, quán triệt, phổ biến Kế hoạch này sâu rộng trong các ngành, các cấp.

3. Sở Tài chính:

- Chủ trì, tổ chức giám sát việc thực hiện Kế hoạch này tại các Sở, ban, ngành thành phố, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu, đơn vị.

- Tổ chức tìm hiểu, học tập kinh nghiệm tại một số địa phương có điểm số cao về các chỉ số thành phần PCI; có mô hình cải cách mang tính đột phá, sáng tạo, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong giải quyết thủ tục hành chính; xếp thứ hạng cao về chỉ số PCI để đề xuất các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh chung của thành phố.

- Đôn đốc, phối hợp cùng cán bộ đầu mối của các đơn vị để đảm bảo hiệu quả phối hợp trong quá trình triển khai Kế hoạch này.

4. Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố: Căn cứ kết quả, thời hạn báo cáo của các đơn vị để thực hiện đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ Ủy ban nhân dân thành phố giao hàng năm đối với các Sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị.

5. Hiệp hội Doanh nghiệp thành phố, VCCI - Chi nhánh Duyên hải Bắc Bộ, các hiệp hội, hội doanh nghiệp, doanh nhân trên địa bàn thành phố: chủ động đề nghị doanh nghiệp thành viên tích cực tham gia khảo sát DCCI khi được mời.

6. Báo và phát thanh, truyền hình Hải Phòng, Cổng Thông tin điện tử thành phố, Chuyên đề an ninh Hải Phòng - Báo Công an nhân dân tăng cường tuyên truyền về công tác cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của thành phố.

7. Các đơn vị thực hiện báo cáo theo nhiệm vụ được phân công tại Kế hoạch này theo **định kỳ hàng quý (trước ngày 20 của các tháng 3, 6, 9) và báo cáo năm trước ngày 10 tháng 12**, gửi Sở Tài chính tổng hợp chung, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.

(Gửi kèm Phụ lục I, Phụ lục II)

8. Kế hoạch này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Kế hoạch số 220/KH-UBND ngày 28/8/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố.

Ủy ban nhân dân thành phố đề nghị các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- TT TU, TT HĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Các Sở, ban, ngành TP;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- CVP, các PVP UBND TP;
- HH DN TP, VCCI CN Duyên hải Bắc Bộ, LMHTX TP, các hội, hiệp hội DN, doanh nhân trên địa bàn TP;
- Báo và phát thanh, truyền hình Hải Phòng, Chuyên đề an ninh Hải Phòng - Báo Công an nhân dân, Cổng TTĐT TP;
- Các Phòng CV UBND TP;
- Lưu: VT, Đ.D.Vượng.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Trung Kiên

PHỤ LỤC I

CHỈ TIÊU CỤ THỂ VÀ PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN NÂNG CAO CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH (PCI) NĂM 2026-2027 TẠI THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

(kèm theo Kế hoạch số **286** /KH-UBND ngày **24** tháng **7** năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

ST T	Chỉ số thành phần/Chỉ tiêu		Điểm 2025	Thứ hạng 2025	Điểm trung vị quốc gia	So sánh điểm số của Hải Phòng/Điểm trung vị quốc gia	Mục tiêu năm 2026 -2027		Đơn vị chủ trì (CT)/tham gia (TG) nhiệm vụ thuộc ngành, cấp mình phụ trách	Điểm chỉ số thành phần/Chỉ tiêu thấp nhất - cao nhất
							Điểm số	Thứ hạng*		
1	2		3	4	5	6	7	8	9	10
1	Gia nhập thị trường		7.53	9	7.07	0.46	≥7,6	8		5,28 ~ 8,7
1.1	Số ngày trung vị để hoàn thành thủ tục đăng ký doanh nghiệp		3	4	6	3	≤ 03 ngày		Sở Tài chính CT, Thuế TP TG	1 ~ 15
1.2	Tỷ lệ DN phải sửa đổi hồ sơ đăng ký doanh nghiệp từ 2 lần trở lên (%)		50	31	37.98	-12.02	≤ 20%		Sở Tài chính CT	21,74 ~ 63,64%
1.3	Hướng dẫn thủ tục đăng ký doanh nghiệp rõ ràng, đầy đủ (%)		66.67	7	56.83	9.84	≥70%		Sở Tài chính CT	37,5 ~ 77,78%
1.4	Hướng dẫn thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện rõ ràng (%)		73.33	14	67.66	5.67	≥75%		Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã CT	27,27 ~ 88,89%
1.5	Thời gian thực hiện thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện không kéo dài hơn so với văn bản quy định (%)		80	4	64.32	15.68	≥ 82%		Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã CT	31,82 ~ 92,31%
1.6	Quy trình giải quyết thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện đúng như văn bản quy định (%)		80	8	70.71	9.29	≥ 82%		Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã CT	30 ~ 96,15%
1.7	Chi phí cấp phép kinh doanh có điều kiện không vượt quá mức phí, lệ phí được quy định trong văn bản pháp luật (%)		80	6	63.64	16.36	≥ 82%		Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã CT	27,27 ~ 96,15%

ST T	Chỉ số thành phần/Chỉ tiêu		Điểm 2025	Thứ hạng 2025	Điểm trung vị quốc gia	So sánh điểm số của Hải Phòng/Điểm trung vị quốc gia	Mục tiêu năm 2026 -2027		Đơn vị chủ trì (CT)/tham gia (TG) nhiệm vụ thuộc ngành, cấp mình phụ trách	Điểm chỉ số thành phần/Chỉ tiêu thấp nhất - cao nhất
							Điểm số	Thứ hạng*		
	1.8	Tỷ lệ DN phải chờ hơn 1 tháng để hoàn thành tất cả các thủ tục để chính thức hoạt động (%)	18,99	22	16,5	-2,49	≤ 15,5%		Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã CT	0 ~ 33,33%
	1.9	Tỷ lệ DN phải trì hoãn/hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do khó khăn khi đăng ký doanh nghiệp (%)	20,65	21	16,18	-4,47	≤ 15%		Sở Tài chính CT, Thuế TP TG	1,47 ~ 33,9%
	1.10	Tỷ lệ DN phải trì hoãn/hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do những khó khăn gặp phải khi thực hiện thủ tục đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh có điều kiện (%)	25	17	25	0	≤ 23%		Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã CT	0 ~ 45,45%
2	Tiếp cận nguồn lực		6,44	5	6,05	0,39	≥ 6,6	4		5,83 ~ 7,48%
	2.1	Gặp khó khăn trong tiếp cận/mở rộng mặt bằng kinh doanh (%)	21,09	14	22,70	+ 1,61	≤ 20%		Sở Nông nghiệp và Môi trường CT	5,05 ~ 46,98%
	2.2	Thời hạn giải quyết hồ sơ đất đai dài hơn quy định (%)	90,91	33	54,79	- 36,12	≤ 20%		Sở Nông nghiệp và Môi trường CT UBND cấp xã TG	0 ~ 100%
	2.3	Điểm số đánh giá mức độ rủi ro bị thu hồi đất (1=Rất thấp-5=Rất cao)	1,42	4	1,82	+ 0,40	≤ 1,3		Sở Nông nghiệp và Môi trường CT UBND cấp xã TG	1,15 ~ 2,33
	2.4	Không làm thủ tục đề nghị cấp GCN quyền sử dụng đất do lo ngại thủ tục hành chính rườm rà/cán bộ những nhiễu (%)	6,59	5	13,19	+ 6,60	≤ 5%		Sở Nông nghiệp và Môi trường CT UBND cấp xã TG,	1,33 ~ 32,35%
	2.5	Trì hoãn/hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do gặp khó khăn khi thực hiện các thủ tục hành chính đất đai (%)	90,00	33	50,00	- 40,00	≤ 50%		Sở Nông nghiệp và Môi trường CT UBND cấp xã TG	0 ~ 50%
	2.6	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận được các khoản vay từ tổ chức tín dụng (%)	38,10	5	25,94	+ 12,16	≥ 40%		NHNN KV 6 CT	6,85 ~ 50%

ST T	Chỉ số thành phần/Chỉ tiêu		Điểm 2025	Thứ hạng 2025	Điểm trung vị quốc gia	So sánh điểm số của Hải Phòng/Điểm trung vị quốc gia	Mục tiêu năm 2026 -2027		Đơn vị chủ trì (CT)/tham gia (TG) nhiệm vụ thuộc ngành, cấp mình phụ trách	Điểm chỉ số thành phần/Chỉ tiêu thấp nhất - cao nhất
							Điểm số	Thứ hạng*		
	2.7	Chính quyền tỉnh chủ động trong việc tổ chức các chương trình kết nối doanh nghiệp và ngân hàng (%)	13,28	20	14,20	- 0,92	≥ 15%		NHNN KV 6 CT	1,98 ~ 30,23%
	2.8	Các chính sách hỗ trợ lãi suất của tỉnh (nếu có) là dễ tiếp cận và thực chất (%)	68,09	5	53,09	+ 15,00	≥ 70%		NHNN KV 6 CT	17,46 ~ 80%
	2.9	Mức độ sẵn có và dễ dàng tiếp cận các cơ sở dữ liệu mở của tỉnh (1: rất khó/không thể tiếp cận - 5: rất dễ)	3,14	3	2,87	+ 0,27	≥ 3		Sở KH và CN CT (chuẩn bị hạ tầng kỹ thuật, công cụ) Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã CT (chuẩn bị cơ sở dữ liệu)	2,35 ~ 3,25
	2.10	Các nền tảng số dùng chung do tỉnh cung cấp để hỗ trợ doanh nghiệp có chất lượng tốt (%)	77,24	1	59,14	+ 18,10	≥ 78%		Sở KH và CN CT Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã TG	32,58 ~ 77,24%
3	Tính minh bạch		7,43	8	6,93	0.51	≥ 7,5	5		5,3 ~ 6,93
	3.1	Khả năng tiếp cận tài liệu quy hoạch (1=Không thể; 5=Rất dễ)	3,20	7	3,00	+ 0,20	≥ 3,4		Sở Xây dựng CT Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã TG	2,2 ~ 3,4
	3.2	Khả năng tiếp cận tài liệu pháp lý (1=Không thể; 5=Rất dễ)	3,00	15	3,00	0,00	≥ 3,2		Sở Tư pháp CT Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã TG	2,63 ~ 3,75
	3.3	Điểm số mức độ hữu ích của thông tin được công bố trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh (1-5).	3,02	4	2,50	+ 0,52	≥ 3,2		Văn phòng UBND thành phố (Cổng Thông tin điện tử thành phố) CT	1,74 ~ 3,33

ST T	Chỉ số thành phần/Chỉ tiêu		Điểm 2025	Thứ hạng 2025	Điểm trung vị quốc gia	So sánh điểm số của Hải Phòng/Điểm trung vị quốc gia	Mục tiêu năm 2026 -2027		Đơn vị chủ trì (CT)/tham gia (TG) nhiệm vụ thuộc ngành, cấp mình phụ trách	Điểm chỉ số thành phần/Chỉ tiêu thấp nhất - cao nhất
							Điểm số	Thứ hạng*		
	3.4	Điểm số đánh giá độ mở Cổng thông tin điện tử chính quyền cấp tỉnh (thang điểm 100)	64,80	10	58,40	+ 6,40	≥ 70%		Văn phòng UBND thành phố (Cổng Thông tin điện tử thành phố) CT	39,18 ~ 85,19%
	3.5	Cần có "mối quan hệ" để tiếp cận thông tin hoặc giải quyết công việc thuận lợi (%)	31,86	16	32,97	+ 1,11	≤ 28%		Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã CT	10,78 ~ 59,26%
	3.6	Mức độ kịp thời doanh nghiệp nhận được thông tin dự thảo chính sách (điểm trung bình thang điểm 1-5,	2,50	25	3,00	- 0,50	≥ 3		Văn phòng UBND thành phố (Cổng Thông tin điện tử thành phố); các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã CT	2 ~ 3
	3.7	Tỷ lệ doanh nghiệp nhận được phản hồi và giải quyết thỏa đáng sau khi gửi kiến nghị, phản ánh (%)	53,85	15	50,00	+ 3,85	≥ 60%		Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã CT	13,64 ~ 79,25%
	3.8	Các hiệp hội doanh nghiệp có vai trò quan trọng trong việc xây dựng chính sách của tỉnh (%)	73,11	4	59,17	+ 13,94	≥ 76%		VCCI chi nhánh Duyên hải Bắc Bộ, các Hiệp hội doanh nghiệp	27,27 ~ 85,42%
	3.9	Đấu thầu công khai, minh bạch (%)	90,83	16	90,54	+ 0,29	≥ 92%		Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã CT	66,67 ~ 97,87%
	3.10	Có thể dự liệu được việc thực thi của tỉnh với quy định pháp luật của Trung ương (%)	44,96	13	41,39	+ 3,57	≥ 46%		Sở Tư pháp CT; các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã TG	24,05 ~ 58,62%
	3.11	Có thể dự liệu được thay đổi quy định pháp luật của tỉnh (%)	48,00	17	46,50	+ 1,50	≥ 49%		Sở Tư pháp CT; các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã TG	13,92 ~ 69,05%
	3.12	Điểm số đánh giá công khai, minh bạch (Bộ Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp - thang điểm 100)	15,69	7	15,31	+ 0,39	≥ 16		VP UBND TP (Trung tâm Phục vụ HCC) CT; các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã TG	13,21 ~ 16,13
4	Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính (TTHC)		8.66	3	7.31	1.34	≥ 8,7	3		5,93 ~ 8,93%
	4.1	DN dành >10% quỹ thời gian làm TTHC (%)	33,07	12	37,40	+ 4,33	≤ 25%			16,67 ~ 71,19%

ST T	Chỉ số thành phần/Chỉ tiêu		Điểm 2025	Thứ hạng 2025	Điểm trung vị quốc gia	So sánh điểm số của Hải Phòng/Điểm trung vị quốc gia	Mục tiêu năm 2026 -2027		Đơn vị chủ trì (CT)/tham gia (TG) nhiệm vụ thuộc ngành, cấp mình phụ trách	Điểm chỉ số thành phần/Chỉ tiêu thấp nhất - cao nhất
							Điểm số	Thứ hạng*		
4.2	Cán bộ nhà nước thân thiện (%)		94,55	5	90,32	+ 4,23	≥ 96%		Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã CT	82,14 ~ 98,77%
4.3	Cán bộ giải quyết công việc hiệu quả (%)		84,55	8	80,88	+ 3,67	≥ 86%			67,42 ~ 91,06%
4.4	Thời gian thực hiện TTHC rút ngắn hơn quy định (%)		85,32	10	80,28	+ 5,04	≥ 87%			71,05 ~ 90,74%
4.5	Không gặp khó khăn khi thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến (%)		90,55	12	88,94	+ 1,61	≥ 92%			65,85 ~ 96,84%
4.6	Thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến giúp tiết giảm thời gian (%)		89,06	18	89,17	- 0,11	≥ 91%			65,91 ~ 96,77%
4.7	Thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến giúp tiết giảm chi phí (%)		93,75	9	89,37	+ 4,38	≥ 94%			62,5 ~ 96,32%
4.8	Điểm số đánh giá tiến độ giải quyết TTHC (Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp thang điểm 0-100)		19,81	3	19,40	+ 0,41	≥ 85		VP UBND TP (Trung tâm Phục vụ HCC) CT; các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã TG	16,91 ~ 19,92
4.9	Điểm số đánh giá chất lượng dịch vụ trực tuyến (Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp; thang 100)		11,73	4	10,11	+ 1,62	≥ 12			8,95 ~ 11,85
4.10	Điểm số đánh giá kết quả số hóa hồ sơ (Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp; thang 100)		21,55	3	21,00	+ 0,55	≥ 22			18,96 ~ 21,56
4.11	Bị thanh kiểm tra từ 2 lần trở lên một năm (%DN)		10,24	10	13,85	+ 3,61	≤ 9%		Thanh tra TP CT, các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã TG	5,36 ~ 25%
4.12	Nội dung làm việc của các đoàn thanh, kiểm tra bị trùng lặp (%)		9,52	21	8,89	- 0,63	≤ 8%			0 ~ 35,71%

ST T	Chỉ số thành phần/Chỉ tiêu		Điểm 2025	Thứ hạng 2025	Điểm trung vị quốc gia	So sánh điểm số của Hải Phòng/Điểm trung vị quốc gia	Mục tiêu năm 2026 -2027		Đơn vị chủ trì (CT)/tham gia (TG) nhiệm vụ thuộc ngành, cấp mình phụ trách	Điểm chỉ số thành phần/Chỉ tiêu thấp nhất - cao nhất
							Điểm số	Thứ hạng*		
5	Chi phí không chính thức		7.75	12	7.6	0.15	≥ 7,8	11		6,01 ~ 8,32
	5.1	Tỷ lệ DN đồng ý rằng DN thường phải trả chi phí không chính thức cho cán bộ nhà nước tại địa phương (%)	45,24	18	45,03	- 0,21	≤ 44%		Thanh tra TP CT Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã TG	18,97 ~ 63,92%
	5.2	Mức trung bình số lĩnh vực quản lý mà doanh nghiệp báo cáo có phát sinh chi phí không chính thức	0,39	13	0,46	+ 0,07	≤ 0,2			0,13 ~ 3,41
	5.3	Hoạt động thanh, kiểm tra có phát sinh chi phí không chính thức (% đồng ý)	11,36	14	12,50	+ 1,14	≤ 11%			2,86 ~ 29,63%
	5.4	Chi trả chi phí không chính thức là bắt buộc để đảm bảo trúng thầu(%)	41,67	20	33,33	- 8,34	≤ 40%			0 ~ 77,78%
	5.5	Tình trạng "chạy án" là phổ biến (%)	22,73	29	13,81	- 8,92	≤ 20%		Tòa án nhân dân thành phố CT	0 ~ 29,31%
	5.6	Tỷ lệ doanh nghiệp phải chi hơn 10% doanh thu cho các loại chi phí không chính thức (%)	2,59	15	3,41	+ 0,82	≤ 2%		Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã CT	0 ~ 18,87%
	5.7	Tỷ lệ doanh nghiệp đồng ý rằng tình trạng những nhiễu khi giải quyết thủ tục hành chính là phổ biến (%)	36,70	8	46,86	+ 10,16	≤ 35%		Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã CT	10 ~ 75,37%
	5.8	Tỷ lệ doanh nghiệp cho biết chi phí không chính thức luôn hoặc thường giúp công việc được giải quyết như mong muốn (%)	73,97	8	66,25	+ 7,72	≥ 75%		Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã CT	18,18 ~ 89,83%
6	Cạnh tranh bình đẳng		7.08	4	5.51	1.57	≥ 7,1	4		4,4 ~ 7,75
	6.1	Sự quan tâm của chính quyền tỉnh không phụ thuộc vào đóng góp của doanh nghiệp (% đồng ý)	89,81	6	85,84	+ 3,97	≥ 90%		VP UBND TP, các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã CT	72,97 ~ 93,68%

ST T	Chỉ số thành phần/Chỉ tiêu		Điểm 2025	Thứ hạng 2025	Điểm trung vị quốc gia	So sánh điểm số của Hải Phòng/Điểm trung vị quốc gia	Mục tiêu năm 2026 -2027		Đơn vị chủ trì (CT)/tham gia (TG) nhiệm vụ thuộc ngành, cấp mình phụ trách	Điểm chỉ số thành phần/Chỉ tiêu thấp nhất - cao nhất
							Điểm số	Thứ hạng*		
	6.2	Tính ưu tiên thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp lớn hơn là phát triển SME tại địa phương (% đồng ý)	71,31	25	65,76	- 5,55	≤ 70%		VP UBND TP, các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã CT	27,5 ~ 87,38%
	6.3	Thuận lợi trong tiếp cận thông tin là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (% đồng ý)	27,19	2	62,09	+ 34,90	≤ 25%		Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã CT	18,39 ~ 84,62%
	6.4	Thủ tục hành chính nhanh chóng hơn là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (% đồng ý)	24,56	5	47,76	+ 23,20	≤ 23%		Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã CT	15,58 ~ 65%
	6.5	Miễn, giảm thuế TNDN là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (% đồng ý)	14,91	5	26,09	+ 11,18	≤ 13%		Thuế thành phố CT	5,13 ~ 64,17%
	6.6	Thuận lợi trong việc tiếp cận đất đai là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (% đồng ý)	19.3	6	26.1	+6,8	≤ 18%		Sở Nông nghiệp và Môi trường CT	12,82 ~ 70,13%
	6.7	Dễ dàng có được các hợp đồng từ CQNN là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn (% đồng ý)	11.4	5	19.01	+7,61	≤ 10%		Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã CT	5,13 ~ 41,07%
	6.8	Tính ưu tiên giải quyết các khó khăn cho các doanh nghiệp lớn so với doanh nghiệp nhỏ và vừa (% đồng ý)	21,05	4	30,57	+ 9,52	≤ 20%		Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã CT	13 ~ 56,52%
	6.9	Các nguồn lực kinh tế chủ yếu rơi vào tay các doanh nghiệp có liên kết chặt chẽ với cán bộ chính quyền tỉnh (% đồng ý)	76,42	33	65,32	- 11,10	≤ 75%		Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã CT	15,85 ~ 80,68%
	6.10	Ưu đãi cho doanh nghiệp lớn là cản trở đối với hoạt động của doanh nghiệp tôi (% đồng ý)	46,77	5	60,66	+ 13,89	≤ 45%		Các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã CT	37,5 ~ 88%
7	Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp		5.81	7	5.43	0.38	≥ 6.0	6		4,37 ~ 6,87
	7.1	Tỷ lệ số loại hình hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận được trên tổng số các loại hỗ trợ được khảo sát (%)	56,79	31	67,81	- 11,02	≥ 60		Các Sở, ban, ngành CT, UBND cấp xã TG	34,57 ~ 91,09%

ST T	Chỉ số thành phần/Chỉ tiêu		Điểm 2025	Thứ hạng 2025	Điểm trung vị quốc gia	So sánh điểm số của Hải Phòng/Điểm trung vị quốc gia	Mục tiêu năm 2026 -2027		Đơn vị chủ trì (CT)/tham gia (TG) nhiệm vụ thuộc ngành, cấp mình phụ trách	Điểm chỉ số thành phần/Chỉ tiêu thấp nhất - cao nhất
							Điểm số	Thứ hạng*		
7.2	Mức độ thuận lợi khi thực hiện thủ tục để hưởng 13 chương trình hỗ trợ của tỉnh (điểm trung bình thang 1-5, điểm cao hơn = thuận lợi hơn)		2,61	23	2,82	- 0,21	≥ 2,7		Các Sở, ban, ngành CT, UBND cấp xã TG	2,27 ~ 3
7.3	Mức độ các chương trình hỗ trợ của tỉnh đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp (điểm trung bình thang 1-4, điểm cao hơn = tốt hơn)		3,40	5	3,20	+ 0,20	≥ 3,5		Các Sở, ban, ngành CT, UBND cấp xã TG	3 ~ 4
7.4	Tiếp cận được các chương trình hỗ trợ của tỉnh về hỗ trợ hội nhập quốc tế (% doanh nghiệp)		21.37	28	26.71	- 5,34	≥ 23		Sở Công Thương CT, các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã TG	7,92 ~ 46,43%
7.5	Các chương trình hỗ trợ hội nhập quốc tế đáp ứng được nhu cầu (% doanh nghiệp)		25.81	28	36.8	- 11	≥ 27		Sở Công Thương CT, các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã TG	17,65 ~ 62,79%
7.6	Nhận hỗ trợ tài chính từ nhà nước trong lĩnh vực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo (% doanh nghiệp)		4.51	22	4.84	- 0,33	≥ 5		Các Sở Khoa học và Công nghệ CT các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã TG	0 ~ 19,32%
7.7	Tỷ lệ doanh nghiệp cho biết đã nhận hỗ trợ tài chính từ nhà nước và có thành phần hỗ trợ từ cấp tỉnh (%)		4.51	14	3.78	- 0,73	≥ 5		Các Sở, ban, ngành CT, UBND cấp xã TG	0 ~ 12%
7.8	Tỷ lệ nhà cung cấp dịch vụ trên tổng số doanh nghiệp (%)		2.65	19	2.79	- 0,14	≥ 3		Các Sở, ban, ngành CT, UBND cấp xã TG	1,3 ~ 6,45%
7.9	Tỷ lệ nhà cung cấp tư nhân và nước ngoài trên tổng số nhà cung cấp dịch vụ (%)		99.17	4	98.25	+ 0,91	≥ 99,3		Các Sở, ban, ngành CT, UBND cấp xã TG	68,17 ~ 99,71%
7.10	Giáo dục phổ thông tại tỉnh có chất lượng tốt (% đồng ý)		85.6	1	74,66	+ 10,94	≥ 85,60		Sở Giáo dục và Đào tạo CT	57,41 ~ 85,6%
7.11	Giáo dục dạy nghề tại tỉnh có chất lượng tốt (% đồng ý)		83,20	2	61,57	+ 21,63	≥ 84		Sở Giáo dục và Đào tạo CT	38,46 ~ 85,06%
7.12	Chi phí tuyển dụng lao động trong tổng chi phí kinh doanh (%)		3,50	28	5,63	-2.13	≥ 4		Sở Nội vụ CT	1 ~ 12,5%
7.13	Chi phí đào tạo lao động trong tổng chi phí kinh doanh (%)		5,00	22	10,00	-5	≥ 6		Sở Nội vụ CT	1 ~ 15%

ST T	Chỉ số thành phần/Chỉ tiêu		Điểm 2025	Thứ hạng 2025	Điểm trung vị quốc gia	Số sánh điểm số của Hải Phòng/Điểm trung vị quốc gia	Mục tiêu năm 2026 -2027		Đơn vị chủ trì (CT)/tham gia (TG) nhiệm vụ thuộc ngành, cấp mình phụ trách	Điểm chỉ số thành phần/Chỉ tiêu thấp nhất - cao nhất
							Điểm số	Thứ hạng*		
	7.14	Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc tại địa phương đã qua đào tạo (%)	34.09	7	24.8	+9,28	≥ 36		Sở Nội vụ CT	15,68 ~ 55,19%
	7.15	Điểm thi trung bình của học sinh địa phương trong kỳ thi tốt nghiệp THPT quốc gia	6.35	4	6.05	+0,29	≥ 6,4		Sở Giáo dục và Đào tạo CT	5,5 ~ 6,56%
	7.16	Lao động địa phương nhìn chung đáp ứng hoàn toàn hoặc phần lớn nhu cầu của doanh nghiệp (% đồng ý)	63,85	13	57,99	+ 5,86	≥ 65		Sở Nội vụ CT	23,08 ~ 83,5%
	7.17	Mức độ lao động địa phương đáp ứng về tay nghề kỹ thuật và kỹ năng số (thang điểm 1-5, điểm cao = đáp ứng tốt hơn)	4,00	1	4,00	0,00	≥ 4		Sở Nội vụ CT	3 ~ 4
8	Thiết chế pháp lý		6.99	24	7.29	-0.3	≥ 7	22		6,01 ~ 7,94
	8.1	Tình hình an ninh trật tự trên địa bàn tốt (%)	84.13	15	83.13	1	≥ 86%		Công an thành phố CT	66,1 ~ 95,15%
	8.2	Tỷ lệ DN báo cáo bị trộm cắp hay đột nhập (%)	7.32	19	7.07	-0.25	≤ 6%		Công an thành phố CT	1,16 ~ 18,03%
	8.3	Sẵn sàng sử dụng Tòa án giải quyết tranh chấp (%)	43.2	1	22.01	21.19	≥ 44%		Tòa án nhân dân thành phố CT	5 ~ 43,2%
	8.4	Sử dụng hòa giải, trọng tài giải quyết tranh chấp (%)	60.61	17	60.61	0	≥ 61%		Tòa án nhân dân thành phố CT	35,14 ~ 87,8%
	8.5	Hệ thống PL bảo vệ tốt quyền và lợi ích hợp pháp (%)	88.89	26	92.21	-3.32	≥ 90%		Tòa án nhân dân thành phố CT	84,75 ~ 99,01%
	8.6	Tòa án xét xử các vụ việc kinh tế đúng pháp luật (%)	88.89	30	93.48	-4.59	≥ 90%		Tòa án nhân dân thành phố CT	82,18 ~ 99%
	8.7	Tòa án xét xử các vụ việc kinh tế nhanh chóng (%)	87.3	21	88.72	-1.42	≥ 88%		Tòa án nhân dân thành phố CT	78,08 ~ 96,25%
	8.8	Phán quyết công bằng, khách quan, dễ dự báo (%)	91.2	18	91.29	-0.09	≥ 93%		Tòa án nhân dân thành phố CT	77,97 ~ 100%
	8.9	Thi hành án kinh tế nhanh chóng, hiệu quả (%)	77.42	30	85.49	-8.07	≥ 79%		Thi hành án dân sự thành phố CT	64,41 ~ 96,08%

ST T	Chỉ số thành phần/Chỉ tiêu		Điểm 2025	Thứ hạng 2025	Điểm trung vị quốc gia	So sánh điểm số của Hải Phòng/Điểm trung vị quốc gia	Mục tiêu năm 2026 -2027		Đơn vị chủ trì (CT)/tham gia (TG) nhiệm vụ thuộc ngành, cấp mình phụ trách	Điểm chỉ số thành phần/Chỉ tiêu thấp nhất - cao nhất
							Điểm số	Thứ hạng*		
	8.10	Cơ quan trợ giúp pháp lý hỗ trợ DN hiệu quả (%)	82.26	27	87.83	-5.57	≥ 94%		Sở Tư pháp CT; các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã TG	66,67 ~ 97%
	8.11	Số vụ tranh chấp do Tòa án thụ lý/1.000 DN	2.17	13	1.61	0.56	≥ 2,5		Tòa án nhân dân thành phố CT	0,48 ~ 5,2
9	Chính quyền kiến tạo		6.11	8	5.46	0.65	≥ 6,4	6		2,78 ~ 6,67
	9.1	Thái độ chính quyền với KV tư nhân tích cực (%)	67,77	4	59,01	+ 8,76	≥ 69%		VP UBND TP, các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã CT	25 ~ 77,08%
	9.2	UBND tỉnh linh hoạt trong khuôn khổ PL (%)	76,19	5	64,27	+ 11,92	≥ 78%		VP UBND TP, các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã CT	33,33 ~ 90,8%
	9.3	UBND tỉnh năng động sáng tạo giải quyết vđ mới (%)	71,43	5	61,77	+ 9,66	≥ 73%		VP UBND TP, các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã CT	33,75 ~ 81,6%
	9.4	CS tạo thuận lợi cho DN ổn định và nhất quán (%)	66.67	9	60.3	+ 6,37	≥ 78%		VP UBND TP, các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã CT	26,03 ~ 81,51%
	9.5	Tin tưởng lãnh đạo hành động thực hiện cam kết (%)	55.2	25	63.66	-8.46	≥ 58%		VP UBND TP, các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã CT	28,21 ~ 87,72%
	9.6	Tháo gỡ khó khăn kịp thời qua đối thoại (%)	67.74	9	62,73	+ 5,01	≥ 70%		VP UBND TP, các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã CT	31,25 ~ 90,59%
	9.7	Sở ngành không thực hiện đúng chủ trương (%)	60,48	16	61,62	+ 1,14	≤ 55%		Các Sở, ban, ngành CT	42,72 ~ 87,38%
	9.8	Xã phường không thực hiện đúng chủ trương (%)	61,29	15	62,40	+ 1,11	≤ 55%		UBND cấp xã CT	39,81 ~ 85,44%

Ghi chú:

- Cột 8: (*) Thứ hạng được hiểu là phần đầu trong nhóm từ vị trí thứ 1 đến vị trí ghi trong bảng (ví dụ: 5 là từ hạng 1 đến hạng 5).
- Cột 9: Ký hiệu từ viết tắt: cơ quan chủ trì (CT), cơ quan tham gia (TG)

PHỤ LỤC II

Nhiệm vụ, công việc cụ thể thực hiện nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2026-2027

tại thành phố Hải Phòng

(kèm theo Kế hoạch số ~~286~~ /KH-UBND ngày 24 tháng 1 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

Tổng số: 66 nhiệm vụ

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Thời gian hoàn thành/Bắt đầu vận hành
I	Chỉ số Gia nhập thị trường				
1	Tiếp tục thực hiện hiệu quả mô hình “ Kết nối thủ tục Giấy phép kinh doanh có điều kiện ” để hỗ trợ doanh nghiệp khi thực hiện các thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh có điều kiện tại các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu.	Sở Tài chính	Các Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu	Thực hiện thường xuyên	Thực hiện thường xuyên
2	Thực hiện các giải pháp tuyên truyền, đối thoại mang tính đột phá để đưa nhận thức “thủ tục đăng ký doanh nghiệp là đơn giản” đến với cộng đồng doanh nghiệp.	Sở Tài chính	UBND các xã, phường, đặc khu	Thực hiện thường xuyên	Thực hiện thường xuyên
3	Phối hợp thực hiện hiệu quả mô hình “ Kết nối thủ tục Giấy phép kinh doanh có điều kiện ” để hỗ trợ doanh nghiệp khi thực hiện các thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh có điều kiện. Thực hiện các giải pháp khác để hỗ trợ doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ hợp lệ, giảm thời gian thực hiện thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện.	Các Sở, ban, ngành phụ trách những lĩnh vực cấp phép kinh doanh có điều kiện, UBND các xã, phường, đặc khu		Thực hiện thường xuyên	Thực hiện thường xuyên

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Thời gian hoàn thành/Bắt đầu vận hành
4	Thực hiện các giải pháp tuyên truyền, đối thoại mang tính đột phá để tháo gỡ các điểm nghẽn trong cấp phép ngành nghề kinh doanh có điều kiện , hỗ trợ thực hiện thủ tục tối đa cho cộng đồng doanh nghiệp.	Các Sở, ban, ngành phụ trách những lĩnh vực cấp phép kinh doanh có điều kiện, UBND các xã, phường, đặc khu		Thực hiện thường xuyên	Thực hiện thường xuyên
5	Công khai tên và số điện thoại của lãnh đạo và chuyên viên Sở, ban, ngành, địa phương phụ trách những lĩnh vực cấp phép kinh doanh có điều kiện và thường xuyên cập nhật khi có sự thay đổi trên Cổng Thông tin điện tử thành phần của cơ quan; đồng thời gửi thông tin cho Trung tâm Thông tin - Tin học, Văn phòng UBND thành phố để công khai trên Cổng Thông tin điện tử thành phố.	Các Sở, ban, ngành phụ trách những lĩnh vực cấp phép kinh doanh có điều kiện, UBND các xã, phường, đặc khu	Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố (Cổng Thông tin điện tử TP)	Thực hiện thường xuyên	Thực hiện thường xuyên
6	Biên tập, đưa các tin bài, bài viết cảnh báo về các lỗi sai, thiếu sót mà doanh nghiệp thường mắc phải trong quá trình thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp, đăng ký ngành nghề kinh doanh có điều kiện trên Cổng Thông tin điện tử thành phố, Cổng thông tin điện tử thành phần và các phương tiện truyền thông khác.	Các Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu	Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố (Cổng Thông tin điện tử TP)	Thực hiện thường xuyên	Thực hiện thường xuyên
7	Chỉ đạo Thuê cơ sở tạo điều kiện và hướng dẫn doanh nghiệp thành lập mới trong việc phát hành hóa đơn trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp lần đầu nhằm khắc phục tình trạng doanh nghiệp phải chờ hơn 01 tháng để hoàn tất các thủ tục, chính thức đi vào hoạt động.	Thuế thành phố		Tháng 9/2025	Thực hiện thường xuyên
8	Công khai quy trình, mẫu biểu chi tiết các thủ tục hành chính của lĩnh vực cấp phép Giấy chứng nhận kinh doanh có điều kiện và thường xuyên cập nhật khi có sự thay đổi trên Cổng Thông tin điện tử thành phần của cơ quan.	Các Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu		Thực hiện thường xuyên	Thực hiện thường xuyên

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Thời gian hoàn thành/Bắt đầu vận hành
9	Thực hiện kiểm tra công tác giải quyết thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện trong quá trình thực hiện kiểm tra công tác cải cách hành chính tại các Sở, ban, ngành, địa phương hằng năm.	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu	Thực hiện thường xuyên	Thực hiện thường xuyên
10	Đôn đốc, giám sát việc công khai các thông tin, nội dung trên Cổng Thông tin điện tử thành phần của các Sở, ban, ngành, địa phương nêu tại mục (6).	Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố (Cổng Thông tin điện tử TP)	Các Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu	Thực hiện thường xuyên	Thực hiện thường xuyên
II	Chỉ số Tiếp cận nguồn lực				
11	Tăng cường tham mưu, đề xuất thu hồi diện tích đất đã giao, cho thuê không đúng đối tượng, không đúng thẩm quyền, chậm đưa vào sử dụng hoặc sử dụng không đúng mục đích gây lãng phí tài nguyên đất, tạo quỹ đất sạch thu hút đầu tư.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu	Thực hiện thường xuyên	Thực hiện thường xuyên
12	Công khai, tạo điều kiện để doanh nghiệp tiếp cận, khai thác sử dụng thông tin đất đai trên hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu	Thực hiện thường xuyên	Thực hiện thường xuyên
13	Tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng các dự án lớn, trọng điểm của thành phố.	Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thực hiện thường xuyên	Thực hiện thường xuyên
14	Lựa chọn đơn vị tư vấn có kinh nghiệm, năng lực để đảm bảo hồ sơ xác định giá đất cụ thể gửi Hội đồng thẩm định giá đất thành phố đảm bảo đầy đủ, hoàn chỉnh, qua đó giúp rút ngắn thời gian xác định giá đất.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Tài chính, Thuế thành phố	Thực hiện thường xuyên	Thực hiện thường xuyên
15	Rà soát, thống kê và đề xuất thu hồi hoặc thu hồi đất (theo thẩm quyền) của các dự án không triển khai theo quy định của pháp luật.	Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu		Thực hiện thường xuyên	Thực hiện thường xuyên
16	Tăng cường vai trò của Ban Quản lý dự án các khu vực nhằm đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng cho doanh nghiệp triển khai thực hiện dự án cũng như tạo nhiều quỹ đất sạch có sẵn để nhà đầu tư dễ dàng tiếp cận.	Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thực hiện thường xuyên	Thực hiện thường xuyên

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Thời gian hoàn thành/Bắt đầu vận hành
17	Tổ chức việc xây dựng, điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung bảng giá đất theo quy định; rút ngắn thời gian xác định giá đất cụ thể.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Tài chính, Thuế thành phố	Thực hiện thường xuyên	Thực hiện thường xuyên
18	Chỉ đạo các chi nhánh ngân hàng thương mại chủ động tổ chức hiệu quả các chương trình kết nối ngân hàng - doanh nghiệp.	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực 6	Các chi nhánh ngân hàng thương mại	Thực hiện thường xuyên	Thực hiện thường xuyên
19	Triển khai hiệu quả các chính sách hỗ trợ lãi suất của Trung ương và thành phố (nếu có) để doanh nghiệp dễ tiếp cận.	Ngân hàng chính sách xã hội thành phố, các chi nhánh ngân hàng thương mại		Thực hiện thường xuyên	Thực hiện thường xuyên
20	Khẩn trương thực hiện thu thập, cập nhật, quản lý, tích hợp, khai thác và sử dụng dữ liệu dùng chung trên địa bàn thành phố Hải Phòng để doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận các cơ sở dữ liệu mở của thành phố về các dữ liệu về kinh tế - xã hội, doanh nghiệp, thị trường...	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu	Thực hiện thường xuyên	Thực hiện thường xuyên
21	Nâng cao chất lượng của các nền tảng số dùng chung của thành phố để hỗ trợ doanh nghiệp hiệu quả.	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Công Thương	Các Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu	Thực hiện thường xuyên	Thực hiện thường xuyên
III	Chỉ số Tính minh bạch				
22	- Nâng cao chất lượng, tăng tính thời sự, tiện ích và hấp dẫn của Cổng Thông tin điện tử thành phố, đảm bảo tin tức trên Cổng Thông tin điện tử thành phố cập nhật nhanh chóng, chính xác, kịp thời nhất, nhất là thông tin về các ưu đãi, khuyến khích, hỗ trợ đầu tư. - Xây dựng các chuyên mục và giao diện để doanh nghiệp trên địa bàn thành phố dễ dàng tiếp cận thông tin, khắc phục triệt để việc giảm điểm và giảm thứ hạng sâu đối với các chỉ tiêu liên quan đến chất lượng và mức độ tiếp cận Cổng Thông tin điện tử thành phố; tạo liên kết với trang Fanpage, Zalo Cổng Thông tin điện tử thành phố	Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố (Cổng Thông tin điện tử TP)	Sở Tài chính, Ban Quản lý khu kinh tế	Thực hiện thường xuyên	Thực hiện thường xuyên

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Thời gian hoàn thành/Bắt đầu vận hành
23	Cổng Thông tin điện tử thành phố: Tiếp tục thực hiện đa dạng hóa các kênh thông tin đa phương tiện (multimedia) để tăng mức độ hữu ích của thông tin; tổ chức các chương trình đối thoại trực tuyến về các vấn đề doanh nghiệp đang quan tâm.	Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố (Cổng Thông tin điện tử TP)		Thực hiện thường xuyên	Thực hiện thường xuyên
24	Phối hợp với các Sở, ban, ngành, địa phương tiếp tục đổi mới giao diện, tính năng, tiện ích Cổng thành phần của tất cả các Sở, ban, ngành, địa phương.	Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố (Cổng Thông tin điện tử thành phố)	Cổng Thông tin điện tử thành phố	Thực hiện thường xuyên	Thực hiện thường xuyên
25	- Công khai 100% thông tin, tài liệu (trừ tài liệu mật): Các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch ngành, các văn bản quy phạm pháp luật, các thủ tục hành chính, danh mục các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng, các chính sách ưu đãi đầu tư của thành phố... - Cung cấp đầy đủ, nhanh chóng các thông tin về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch, văn bản quy phạm pháp luật, thủ tục hành chính, dự án xây dựng cơ sở hạ tầng, chính sách ưu đãi đầu tư, các thông tin khác có trách nhiệm phải cung cấp theo quy định pháp luật tới các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, người dân khi họ có yêu cầu.	Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, các Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu		Thực hiện thường xuyên	Thực hiện thường xuyên
26	Biên soạn, phát hành tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; tuyên truyền phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp.	Các Sở, ban, ngành		Thực hiện thường xuyên	Thực hiện thường xuyên
27	Tăng cường khả năng dự liệu được việc thực thi của thành phố với quy định pháp luật của Trung ương.	Các Sở, ban, ngành		Thực hiện thường xuyên	Thực hiện thường xuyên
28	Tăng cường khả năng dự liệu được thay đổi quy định pháp luật của thành phố.	Các Sở, ban, ngành		Thực hiện thường xuyên	Thực hiện thường xuyên

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Thời gian hoàn thành/Bắt đầu vận hành
29	Theo dõi, giám sát, kiểm tra việc cung cấp thông tin về đấu thầu của chủ đầu tư, bên mời thầu, tăng cường công khai, minh bạch và hiệu quả giám sát trong công tác đấu thầu.	Sở Tài chính		Thực hiện thường xuyên	Thực hiện thường xuyên
30	Giám sát việc chấp hành pháp luật, quy trình thanh tra, kiểm tra, trách nhiệm thực thi công vụ, loại bỏ lợi ích cá nhân của các thành viên đoàn thanh tra, kiểm tra tại doanh nghiệp.	Thuế thành phố		Thực hiện thường xuyên	Thực hiện thường xuyên
31	Công khai kết quả xử lý phản ánh, kiến nghị của doanh nghiệp trên Cổng Thông tin điện tử thành phần của các Sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị.	- Các Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu - UBND các xã, phường, đặc khu		Thực hiện thường xuyên	Thực hiện thường xuyên
32	Tham gia tích cực trong việc xây dựng, phản biện các chính sách, quy định cải cách thủ tục hành chính của thành phố.	VCCI chi nhánh Duyên hải Bắc Bộ; các hội, hiệp hội doanh nghiệp, doanh nhân trên địa bàn thành phố		Thực hiện thường xuyên	Thực hiện thường xuyên
33	Tăng cường tham vấn, lấy đầy đủ ý kiến tham gia của các Hiệp hội doanh nghiệp trước khi thành phố ban hành quy định mới.	Các Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu	VCCI CN Duyên hải Bắc Bộ, các Hiệp hội Doanh nghiệp, doanh nhân trên địa bàn thành phố	Thực hiện thường xuyên	Thực hiện thường xuyên

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Thời gian hoàn thành/Bắt đầu vận hành
34	Nâng cao điểm số đánh giá công khai, minh bạch trên Cổng Dịch vụ công quốc gia của đơn vị	Các Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu		Thực hiện thường xuyên	Thực hiện thường xuyên
IV	Chỉ số Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính				
35	Tăng tốc, nỗ lực và quyết liệt trong cải cách hành chính, tạo bước đột phá về cải cách hành chính của thành phố trong năm 2026.	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu	Thực hiện thường xuyên	Thực hiện thường xuyên
36	Tăng cường mở các lớp đào tạo về kỹ năng giao tiếp cho đội ngũ cán bộ công chức để cải thiện về thái độ phục vụ người dân, doanh nghiệp với phương pháp đào tạo tiên tiến.	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu	2026-2027	2026-2027
37	Ứng dụng đưa các công cụ AI có bản quyền vào khu vực công theo lộ trình, có kiểm soát phục vụ cải cách hành chính và xây dựng chính quyền số để cán bộ công chức nâng cao năng suất, chất lượng thực thi công vụ tốt hơn.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu	Quý III/2026	Quý I/2027

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Thời gian hoàn thành/Bắt đầu vận hành
38	Thực hiện mô hình “CÙNG THÀNH CÔNG” (Tên tiếng Anh: Successd Together) để hỗ trợ, chăm sóc nhà đầu tư, doanh nghiệp trong suốt quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh. <i>Nội dung thực hiện bao gồm:</i> - <i>Danh sách đầu mối liên hệ của từng Sở, ban, ngành, địa phương (gồm các thông tin: họ và tên, chức danh, lĩnh vực phụ trách, số điện thoại) để kết nối và hỗ trợ trong mọi lĩnh vực, ngành nghề.</i> - <i>Số điện thoại đường dây nóng hỗ trợ Nhà đầu tư và Doanh nghiệp khi cần liên hệ.</i> - <i>Hướng dẫn chi tiết quy trình thực hiện từng thủ tục hành chính, kèm mẫu biểu cần thiết để kê khai trong quá trình thực hiện.</i> - <i>Hỗ trợ Nhà đầu tư và Doanh nghiệp thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến nhanh chóng.</i> - <i>Trợ lý ảo AI (tiếng Việt và tiếng Anh) trả lời tự động các câu hỏi liên quan đến thủ tục hành chính.</i> - <i>Hệ thống đặt lịch hẹn để hỗ trợ trực tiếp khi Nhà đầu tư và Doanh nghiệp gặp khó khăn trong quá trình thực hiện hồ sơ.</i>	- Các Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu - Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố (Cổng Thông tin điện tử TP)		Thực hiện thường xuyên	Thực hiện thường xuyên
39	Thực hiện mô hình “Hồ sơ thông suốt” để khắc phục những hạn chế, nâng cao tính minh bạch, giảm thiểu tối đa chi phí thời gian, chi phí không chính thức phát sinh trong quá trình doanh nghiệp thực hiện thủ tục hành chính. <i>Nội dung thực hiện bao gồm:</i> - <i>Công khai các biểu mẫu của thủ tục hành chính trên Cổng Thông tin điện tử thành phần để doanh nghiệp tải về.</i> - <i>Hướng dẫn chi tiết cách kê khai, cách nộp hồ sơ (có thể cụ thể hóa bằng video trực quan nếu có).</i> - <i>Nếu hồ sơ cần phải bổ sung, sửa đổi, các Sở, ban, ngành, địa phương chỉ yêu cầu bổ sung, sửa đổi 01 lần duy nhất.</i>	- Các Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu - Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố (Cổng Thông tin điện tử TP)		8/1/2026	Thực hiện thường xuyên
40	Quản triệt đội ngũ cán bộ công chức thực thi công vụ, nhất là cán bộ thực hiện thanh, kiểm tra, thi hành án nghiêm túc thực hiện phòng, chống tham nhũng trên tinh thần “loại bỏ lợi ích cá nhân vì sự phát triển chung của thành phố”. Đặc biệt lưu ý trong các lĩnh vực: đăng ký doanh nghiệp, cấp phép kinh doanh có điều kiện, phòng cháy chữa cháy, đất đai, môi trường, xây dựng, thuế, quản lý thi trường, thi hành án.	- Các Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu		Thực hiện thường xuyên	Thực hiện thường xuyên

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Thời gian hoàn thành/Bắt đầu vận hành
41	Nâng cao điểm số đánh giá tiến độ giải quyết TTHC trên Cổng Dịch vụ công quốc gia của đơn vị	Các Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu		Thực hiện thường xuyên	Thực hiện thường xuyên
42	Nâng cao điểm số đánh giá chất lượng dịch vụ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia của đơn vị	Các Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu		Thực hiện thường xuyên	Thực hiện thường xuyên
43	Nâng cao điểm số đánh giá kết quả số hóa hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia của đơn vị	Các Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu		Thực hiện thường xuyên	Thực hiện thường xuyên
V	Chỉ số Chi phí không chính thức				
44	Quản triệt đội ngũ cán bộ công chức thực thi công vụ, nhất là cán bộ thực hiện thanh, kiểm tra nghiêm túc thực hiện phòng, chống tham nhũng trên tinh thần “loại bỏ lợi ích cá nhân vì sự phát triển chung của thành phố”.	Các Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu		Thực hiện thường xuyên	Thực hiện thường xuyên
VI	Chỉ số Cạnh tranh bình đẳng				
45	Giao các Sở, ban, ngành, địa phương: đổi xử và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp công bằng, không phân biệt giữa doanh nghiệp lớn và doanh nghiệp nhỏ và vừa trong tiếp cận thông tin; giải quyết khó khăn, vướng mắc; thực hiện các thủ tục hành chính, đặc biệt về các thủ tục: - Thủ tục về đầu tư: Sở Tài chính, Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng chủ trì. - Tiếp cận đất đai: Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì. - Cấp phép khai thác khoáng sản: Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì. - Miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp: Thuế thành phố chủ trì.	Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, các Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu		Thực hiện thường xuyên	Thực hiện thường xuyên
VII	Chỉ số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp				

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Thời gian hoàn thành/Bắt đầu vận hành
46	Thực hiện tăng cường hỗ trợ năng lực doanh nghiệp theo lĩnh vực Sở, ngành mình phụ trách.	Các Sở, ban, ngành	UBND các xã, phường, đặc khu	Thực hiện thường xuyên	Thực hiện thường xuyên
47	Nhanh chóng thực hiện các thủ tục để những DNNVV đủ điều kiện được giảm giá thuê mặt bằng tại khu/cụm công nghiệp.	Thuế thành phố	Sở Tài chính	Thực hiện thường xuyên	Thực hiện thường xuyên
48	Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn thực hiện Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và các văn bản hướng dẫn thi hành; khuyến khích, hỗ trợ phát triển hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn thành phố	Sở Tư pháp		Thực hiện thường xuyên	Thực hiện thường xuyên
49	Thực hiện có hiệu quả các chương trình hỗ trợ DNNVV thực hiện chuyển đổi số.	Sở Khoa học và Công nghệ		Thực hiện thường xuyên	Thực hiện thường xuyên
50	Nâng cao hiệu quả đào tạo hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn thành phố.	Sở Tài chính		Thực hiện thường xuyên	Thực hiện thường xuyên
51	- Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động thông tin, tuyên truyền cho doanh nghiệp, người lao động, người dân về các chính sách hỗ trợ của thành phố trong đào tạo nghề cho người lao động. - Tiếp tục nghiên cứu, tham mưu đề xuất ủy ban nhân dân thành phố triển khai kịp thời các chính sách về giáo dục nghề nghiệp theo quy định của pháp luật; đề xuất các giải pháp, điều chỉnh các chính sách hỗ trợ (nếu cần) để đáp ứng yêu cầu thực tiễn của thành phố và phù hợp với các chính sách, quy định của trung ương cũng như của thành phố. - Tiếp tục nghiên cứu, tham mưu triển khai việc hỗ trợ, kết nối giữa doanh nghiệp với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp của thành phố để thực hiện đào tạo nghề theo nhu cầu của doanh nghiệp, góp phần giảm chi phí đào tạo nghề của doanh nghiệp thụ hưởng theo các chính sách hỗ trợ của thành phố.	Sở Giáo dục và Đào tạo	VCCI CN Duyên hải Bắc Bộ, các Hiệp hội Doanh nghiệp, doanh nhân trên địa bàn thành phố	Thực hiện thường xuyên	Thực hiện thường xuyên

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Thời gian hoàn thành/Bắt đầu vận hành
52	- Nâng cao chất lượng cung cấp thông tin liên quan đến các FTA tới doanh nghiệp. - Tuyên truyền để doanh nghiệp trên địa bàn thành phố biết về các văn bản thực thi các hiệp định thương mại tự do (FTA); các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng cơ hội của các FTAs. - Tạo điều kiện thuận lợi để những doanh nghiệp đủ điều kiện hưởng hỗ trợ từ chương trình hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng cơ hội từ các FTAs.	Sở Công Thương	Các Cục, Vụ của Bộ Công Thương; các Sở, ban, ngành và UBND các xã, phường, đặc khu, VCCI CN Duyên hải Bắc Bộ	Thực hiện thường xuyên	Thực hiện thường xuyên
53	Đổi mới, nâng cao hiệu quả, hỗ trợ thực chất các hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (vườn ươm, kết nối quỹ đầu tư) để nhiều doanh nghiệp được tiếp cận.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu	Thực hiện thường xuyên	Thực hiện thường xuyên
54	- Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước và nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông trên địa bàn thành phố: + Đổi mới phương pháp dạy học theo hướng tích cực, đặc biệt là đổi mới tư duy của người thầy để dạy cho học sinh biết cách tự học, tự nghiên cứu, chủ động vận dụng kiến thức vào giải quyết những tình huống trong học tập và trong thực tế. + Phát triển khả năng tư duy sáng tạo, năng lực và kỹ năng vận dụng kiến thức vào giải quyết các vấn đề của thực tiễn, khuyến khích học tập suốt đời.	Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu		Thực hiện thường xuyên	Thực hiện thường xuyên
55	- Hướng dẫn học sinh ôn thi, tổ chức kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông hiệu quả và đạt chất lượng tốt. + Tích cực đổi mới phương pháp, nội dung ôn tập, tổ chức dạy học theo năng lực và nguyện vọng của học sinh; nâng cao hiệu quả hoạt động của đội ngũ giáo viên cốt cán. Ưu tiên sắp xếp đội ngũ giáo viên có năng lực chuyên môn và nghiệp vụ giỏi để dạy học và ôn tập cho học sinh lớp 12. + Khuyến khích học sinh tích cực học tập, nâng cao nhận thức về kỳ thi. + Đẩy mạnh đổi mới hình thức tự ôn tập, khảo sát toàn trường trên địa bàn thành phố.	Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu		Thực hiện thường xuyên	Thực hiện thường xuyên

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Thời gian hoàn thành/Bắt đầu vận hành
56	- Nghiên cứu xây dựng cơ chế chính sách học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông có hộ khẩu thường trú tại Hải Phòng học hệ chính quy trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn thành phố thuộc danh mục nghề khuyến khích đào tạo của thành phố. - Tiếp tục chỉ đạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn thành phố đẩy mạnh hợp tác các hoạt động giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp, rà soát, nắm bắt nhu cầu, yêu cầu về lao động của doanh nghiệp (về số lượng, trình độ, kỹ năng theo từng giai đoạn của doanh nghiệp) để chủ động phối hợp, xây dựng kế hoạch đào tạo nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động. - Tiếp tục chỉ đạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn thành phố thực hiện quy định về hệ thống bảo đảm chất lượng và tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp của cơ sở giáo dục nghề nghiệp. - Tiếp tục nghiên cứu, tham mưu đề xuất để triển khai một số giải pháp nhằm tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động hợp tác quốc tế về giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn thành phố nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và chất lượng nguồn nhân lực của thành phố. - Chuyển hướng giáo dục nghề nghiệp sang đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, có kiến thức, kỹ năng, kỷ luật lao động, tác phong công nghiệp, khả năng sử dụng ngoại ngữ; đủ sức cung cấp nguồn nhân lực cho các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố; hướng tới cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho thị trường lao động cả trong và ngoài nước.	Sở Giáo dục và Đào tạo		Thực hiện thường xuyên	Thực hiện thường xuyên
57	Chỉ đạo các cơ sở đào tạo nghề tăng cường đào tạo kỹ năng kỹ thuật và kỹ năng số cho học viên	Sở Giáo dục và Đào tạo		Thực hiện thường xuyên	Thực hiện thường xuyên
VIII	Chỉ số Thiết chế pháp lý				
58	Tiếp tục tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc, đẩy nhanh tiến độ giải quyết các vụ việc kinh doanh, thương mại đảm bảo đúng quy định của pháp luật, tạo niềm tin cho doanh nghiệp	Tòa án nhân dân thành phố		Thực hiện thường xuyên	Thực hiện thường xuyên
59	Tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp thực hiện quyền tố cáo, khiếu nại các hành vi tham nhũng, sách nhiễu, thiếu trách nhiệm trong giải quyết công việc, gây khó khăn, thiệt hại cho doanh nghiệp.	Thanh tra thành phố		Thực hiện thường xuyên	Thực hiện thường xuyên

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Thời gian hoàn thành/Bắt đầu vận hành
60	Nâng cao chất lượng hỗ trợ pháp lý, đẩy mạnh thực hiện xã hội hóa các hoạt động hỗ trợ tư pháp trên địa bàn thành phố.	Sở Tư pháp	Các Sở, ban, ngành	Thực hiện thường xuyên	Thực hiện thường xuyên
61	Phối hợp các đơn vị có liên quan đẩy nhanh công tác giải quyết hồ sơ thi hành án có đủ điều kiện thi hành và tập trung giải quyết dứt điểm các vụ việc khiếu nại tố cáo, phức tạp, kéo dài.	Cục Thi hành án dân sự thành phố		Thực hiện thường xuyên	Thực hiện thường xuyên
62	Tăng cường đảm bảo tình hình an ninh trật tự, tăng cường bảo vệ tài sản của doanh nghiệp trên địa bàn. Kết nối hệ thống camera AI giữa các khu công nghiệp và Công an thành phố để giảm tỷ lệ trộm cắp/đột nhập	Công an thành phố		Quý III/2026	Quý III/2027
63	Giải quyết các tranh chấp, yêu cầu về kinh doanh, thương mại đảm bảo công bằng, khách quan.	Tòa án nhân dân thành phố		Thực hiện thường xuyên	Thực hiện thường xuyên
IX	Chỉ số Chính quyền kiến tạo				
64	- Nâng cao chất lượng, hiệu quả của các Hội nghị đối thoại doanh nghiệp tại các Sở, ban, ngành và UBND các xã, phường, đặc khu; đa dạng hình thức đối thoại để kịp thời nắm bắt và giải quyết khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp. - Các Sở, ngành, địa phương phải chủ động giải quyết kiến nghị ở cấp của mình, không đùn đẩy trách nhiệm sang ngành, địa phương khác, nếu vượt cấp thì xin ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố để tiếp tục giải quyết. Thủ trưởng các cơ quan phải đồng hành và giải quyết đến cùng kiến nghị của doanh nghiệp.	Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, các Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu		Thực hiện thường xuyên	Thực hiện thường xuyên
65	Thực hiện công khai các cam kết cụ thể với doanh nghiệp trên Cổng Thông tin điện tử thành phần của các Sở, ban, ngành, địa phương để thực hiện cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh trong cấp phép kinh doanh có điều kiện.	Các Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu		Quý III/2026	Thực hiện thường xuyên